

Số: 03/2024/QĐDS-ST

Cần Giuộc, ngày 25 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
Về việc yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng lao động

Với thành phần giải quyết việc dân sự:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thanh Vân;

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên họp: Ông Trần Tuấn Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc tham gia phiên họp: Ông Phạm Duy Tùng- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc mở phiên họp công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 18/2024/TLST-VDS ngày 07 tháng 6 năm 2024 về việc “yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” Theo Quyết định mở phiên họp giải quyết việc dân sự số: 03/2024/QĐPH-ST ngày 08 tháng 8 năm 2024.

1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Nguyễn Thị Diễm C, sinh năm: 1988, cư trú: Ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Long An; (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị Diễm S, sinh năm: 1997, cư trú: Ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Long An; (có mặt)

- Bảo hiểm xã hội tỉnh L. Địa chỉ: Số H, tuyến tránh Quốc lộ A, Phường D, thành phố T, tỉnh Long An; (có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần S1- Giám đốc.

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn T (viết tắt Công ty TNHH T). Địa chỉ: Lô A, Đường số C, khu công nghiệp L, huyện C, tỉnh Long An. (vắng mặt)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu, đơn yêu cầu bổ sung và bản tự khai đề ngày 04/4/2024, tại phiên họp, bà Nguyễn Thị Diễm C trình bày:

Bà Nguyễn Thị Diễm S, sinh ngày 12/4/1997 chưa đủ tuổi đi xin việc làm nên bà S mượn giấy chứng minh nhân dân của chị ruột là bà Nguyễn Thị Diễm C, sinh ngày 01/01/1988 để ký kết hợp đồng lao động tại Công ty TNHH T. Bà S

được Công ty TNHH T đóng bảo hiểm xã hội theo sổ bảo hiểm số 8012010443 do Bảo hiểm xã hội tỉnh L cấp từ tháng 4/2012 đến tháng 2/2013.

Tháng 1/2013, bà Nguyễn Thị Diễm C làm việc tại Công ty TNHH G. Công ty TNHH G đã đóng bảo hiểm từ tháng 01/2013 đến tháng 3/2013 cho bà C theo sổ bảo hiểm số 8013000675 do Bảo hiểm xã hội tỉnh L cấp. Tháng 4/2013, bà C làm việc tại Công ty TNHH T và Công ty TNHH T đóng bảo hiểm xã hội cho bà C theo quy định vào sổ bảo hiểm số 8013000675.

Đến nay, khi bà C làm thủ tục hưởng chế độ bảo hiểm thì được cơ quan bảo hiểm xã hội trả lời là bà C còn một sổ bảo hiểm xã hội số 8012010443 do Bảo hiểm xã hội tỉnh L cấp, thời gian đóng bảo hiểm từ tháng 4/2012 đến tháng 2/2013. Cơ quan bảo hiểm xã hội không giải quyết được chế độ bảo hiểm cho bà C.

Vì vậy bà C đề nghị Tòa án tuyên vô hiệu quan hệ lao động giữa bà Nguyễn Thị Diễm C với Công ty TNHH T trong khoảng thời gian từ tháng 4/2012 đến tháng 2/2013 theo ghi nhận của sổ bảo hiểm xã hội số 8012010443 mang tên Nguyễn Thị Diễm C do bảo hiểm xã hội tỉnh Long An cấp ngày 11/7/2012; không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu.

Bà Nguyễn Thị Diễm C thống nhất để bà Nguyễn Thị Diễm S được hưởng quá trình đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp của bà S tại sổ bảo hiểm xã hội số 8012010443, tham gia từ tháng 04/2012 đến tháng 2/2013 mang tên Nguyễn Thị Diễm C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Diễm S trình bày: Tháng 3/2012, bà S do không đủ tuổi đi làm cho Doanh nghiệp nên có sử dụng hồ sơ cá nhân của bà Nguyễn Thị Diễm C để đi làm tại Công ty TNHH T. Trong hồ sơ xin việc thì tên là Nguyễn Thị Diễm C nhưng hình ảnh trên hồ sơ của bà S. Bà S làm ở bộ phận kế toán của công ty. Bà S được Công ty TNHH T đóng bảo hiểm xã hội theo sổ bảo hiểm số 8012010443 do Bảo hiểm xã hội tỉnh L cấp từ tháng 4/2012 đến tháng 2/2013. Khi bà S nghỉ việc thì bà C mới vào làm tại Công ty TNHH T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnh L có ý kiến: Căn cứ hồ sơ, dữ liệu quản lý thu, sổ, thẻ và dữ liệu chi trả chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, tính đến ngày 13/8/2024, quá trình tham gia BHXH, BHTN của bà Nguyễn Thị Diễm C theo sổ BHXH số 8012010443 và sổ 8013000675 được thể hiện tại phụ lục Bản ghi quá trình đóng BHXH, BHTN kèm theo

Căn cứ Quy trình thu BHXH, BHTN, BHTNHLĐ, BNN; quản lý sổ BHXH, thẻ BHYT, hợp đồng lao động không được quy định là thành phần hồ sơ nộp kèm khi đơn vị sử dụng lao động đăng ký tham gia BHXH, BHTN, BHTNHLĐ, BNN cho người lao động, BHXH tỉnh L không có tài liệu để cung cấp.

BHXH tỉnh L đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình tham gia tố tụng của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc đối với vụ việc trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Trách nhiệm hữu hạn T được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, không có ý kiến liên quan đến nội dung giải quyết việc dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký phiên họp và người yêu cầu là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Diễm C tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu.

Tuyên bố vô hiệu hợp đồng lao động được xác lập giữa bà Nguyễn Thị Diễm S (nhưng trên hợp đồng lao động ghi tên là bà Nguyễn Thị Diễm C) với Công ty Trách nhiệm hữu hạn T trong thời gian từ tháng 4/2012 đến tháng 2/2013.

Cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền có trách nhiệm điều chỉnh tên Nguyễn Thị Diễm C theo sổ bảo hiểm xã hội mã số 8012010443 ngày 11/7/2012 thành tên Nguyễn Thị Diễm S để bà S được hưởng chế độ bảo hiểm theo sổ bảo hiểm xã hội số 8012010443; bà Nguyễn Thị Diễm C hưởng chế độ bảo hiểm theo sổ bảo hiểm xã hội số 8013000675.

Bà Nguyễn Thị Diễm C và bà Nguyễn Thị Diễm S được quyền liên hệ cơ quan bảo hiểm để thực hiện thủ tục điều chỉnh thông tin đóng bảo hiểm xã hội nêu trên theo quy định.

NHẬN ĐỊNH

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị Diễm C yêu cầu tòa án tuyên vô hiệu hợp đồng lao động. Căn cứ vào quy định tại Khoản 1 Điều 33, Khoản 2 Điều 35, Khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định việc dân sự này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

[1.2] Công ty Trách nhiệm hữu hạn T triệu tập hợp lệ tham gia phiên họp lần hai vắng mặt. Tòa án tiến hành phiên họp mà vắng mặt đương sự này.

[2] Về nội dung yêu cầu:

[2.1] Căn cứ vào hồ sơ đăng ký tham gia bảo hiểm xã hội của Công ty TNHH T cho bà Nguyễn Thị Diễm C do Bảo hiểm xã hội tỉnh L cung cấp có nội dung bà Nguyễn Thị Diễm C, sinh ngày 01/01/1988, số chứng minh thư số 301288827. Vào ngày 11/7/2012, Bảo hiểm xã hội tỉnh L cấp sổ bảo hiểm cho bà Nguyễn Thị Diễm C có mã số sổ 8012010443, tham gia từ tháng 04/2012 đến tháng 2/2013.

[2.2] Văn bản cung cấp thông tin tham gia bảo hiểm của Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An thì bà C đăng ký đóng BHXH, BHYT, BHTN, BH TNLĐ-BNN, tham gia từ tháng 04/2012 đến tháng 2/2013 theo mã số 8012010443; tham gia từ tháng 01/2013 đến tháng 03/2013 theo mã số 8013000675.

[2.3] Qua chứng cứ nêu trên cơ sở xác định lời trình bày của bà C, bà S về việc bà S mượn chứng minh nhân dân để ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH T là phù hợp. Đối tượng lao động thực sự lao động trong giai đoạn này tại Công ty TNHH T là bà S chứ không phải là bà C. Bà S đã vi phạm quy tắc, nghĩa vụ của người lao động theo quy định tại Điều 7, Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994 sửa đổi, bổ sung năm 2002 và Điều 8 Nghị định số 39/2003/NĐ-CP ngày 18/4/2003 của Chính phủ; Công ty TNHH T chưa thực hiện đúng quy định về việc tuyển dụng người lao động theo Điều 8 Bộ luật Lao động năm 1994 sửa đổi, bổ sung năm 2002 khi sử dụng người lao động không đúng đối tượng lao động. Đây là hợp đồng vô hiệu toàn bộ nên yêu cầu bà C được chấp nhận.

[2.4] Xử lý hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ: Do công ty TNHH T và bà Nguyễn Thị Diễm S không có yêu cầu gì liên quan đến quyền lợi trong hợp đồng nên không xem xét.

[2.5] Bà Nguyễn Thị Diễm C thống nhất để bà Nguyễn Thị Diễm S được hưởng quá trình đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp của bà S tại sổ bảo hiểm xã hội số 8012010443, tham gia từ tháng 04/2012 đến tháng 2/2013 mang tên Nguyễn Thị Diễm C nên cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền có trách nhiệm điều chỉnh tên Nguyễn Thị Diễm C theo sổ bảo hiểm xã hội số 8012010443 thành tên Nguyễn Thị Diễm S để bà S hưởng chế độ bảo hiểm theo sổ bảo hiểm xã hội số 8012010443; bà Nguyễn Thị Diễm C hưởng chế độ bảo hiểm theo sổ bảo hiểm xã hội số 8013000675.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp nên được chấp nhận.

[4] Lệ phí: Căn cứ Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự, Khoản 1 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Nguyễn Thị Diễm C phải chịu 300.000 đồng lệ phí sơ thẩm. Tạm ứng bà C có nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0000537 ngày 29/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc chuyển sang lệ phí.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 33, Điểm v Khoản 2 Điều 39 Điều 149, Điều 361, Điều 372 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 117, Điều 127 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 7, Điều 8, Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994 sửa đổi, bổ sung năm 2002;

Áp dụng Điều 15, Điều 16 Bộ luật Lao động năm 2019;

Căn cứ Điều 7, Điều 8 Nghị định số 39/2003/NĐ-CP ngày 18/04/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ Luật Lao động về việc làm;

Căn cứ Điều 10 Nghị định 45/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ Luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động;

Áp dụng Điều 19, 21, 23 và Điều 96 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014.

Áp dụng Khoản 1 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Diễm C tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu.

Tuyên bố vô hiệu hợp đồng lao động được xác lập giữa bà Nguyễn Thị Diễm S (nhưng trên hợp đồng lao động ghi tên là bà Nguyễn Thị Diễm C) với Công ty Trách nhiệm hữu hạn T trong thời gian từ tháng 4/2012 đến tháng 2/2013.

Cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền có trách nhiệm điều chỉnh tên Nguyễn Thị Diễm C theo sổ bảo hiểm xã hội mã số 8012010443 ngày 11/7/2012 thành tên Nguyễn Thị Diễm S để bà S được hưởng chế độ bảo hiểm theo sổ bảo hiểm xã hội số 8012010443; bà Nguyễn Thị Diễm C hưởng chế độ bảo hiểm theo sổ bảo hiểm xã hội số 8013000675.

Bà Nguyễn Thị Diễm C và bà Nguyễn Thị Diễm S được quyền liên hệ cơ quan bảo hiểm để thực hiện thủ tục điều chỉnh thông tin đóng bảo hiểm xã hội nêu trên theo quy định.

[3] Lệ phí: Bà Nguyễn Thị Diễm C phải chịu 300.000 đồng lệ phí sơ thẩm. Tạm ứng bà C có nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0000537 ngày 29/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc chuyển sang lệ phí.

[4] Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết việc dân sự có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Trường hợp họ không có mặt tại phiên họp giải quyết việc dân sự thì thời hạn đó được tính từ ngày họ nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định đó được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự để yêu cầu Tòa án trên một cấp trực tiếp giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

[5] Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30

Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Giuộc;
- Chi cục THADS huyện Cần Giuộc;
- Người yêu cầu;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thanh Vân